

Biểu số: 05.N/BC-BD TTG

Ban hành theo Thông tư số
07/2025/TT-BD TTG ngày
25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ
Dân tộc và Tôn giáo

Ngày nhận báo cáo: 15/3
năm sau

**Hộ nghèo và cận nghèo
người dân tộc thiểu số**

(Năm, số liệu từ 01/1 đến
31/12)

Đơn vị nhận báo cáo: Bộ
Dân tộc và Tôn giáo (Vụ Kế
hoạch - Tài chính)

Đơn vị báo cáo: Cơ quan
công tác dân tộc và tôn giáo
cấp tỉnh

Đơn vị tính: hộ

	Tổng số hộ	Trong đó số hộ DTTS	Số hộ nghèo DTTS	Số hộ cận nghèo DTTS	Số hộ thoát nghèo DTTS	Số hộ nghèo DTTS phát sinh mới	Số hộ DTTS tái nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo DTTS (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo DTTS (%)
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1. Tổng số									
2. Chia theo xã/phường/đặc khu									

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 05.N/BC-BD TTG: Hộ nghèo và cận nghèo người dân tộc thiểu số

1. Khái niệm, phương pháp tính

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo là hộ gia đình qua điều tra, rà soát hằng năm ở cơ sở đáp ứng các tiêu chí về xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo được quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- Hộ thoát nghèo là hộ nghèo thuộc danh sách địa phương quản lý nhưng qua điều tra, rà soát hằng năm ở cơ sở được xác định không thuộc nhóm đối tượng hộ nghèo theo tiêu chí về xác định hộ nghèo và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận là hộ thoát nghèo.

Hộ thoát nghèo bao gồm:

a) Hộ thoát nghèo và trở thành hộ cận nghèo;

b) Hộ thoát nghèo vượt qua mức chuẩn hộ cận nghèo là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ mức sống trung bình trở lên (tiêu chí xác định mức sống trung bình theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025).

- Hộ nghèo phát sinh là hộ không thuộc danh sách hộ nghèo địa phương đang quản lý nhưng phát sinh khó khăn đột xuất trong năm, qua điều tra, rà soát hằng năm ở cơ sở đáp ứng các tiêu chí về xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận là hộ nghèo trên địa bàn.

- Hộ tái nghèo là hộ trước đây thuộc danh sách hộ nghèo địa phương quản lý, đã được công nhận thoát nghèo, nhưng do phát sinh khó khăn đột xuất trong năm, qua điều tra, rà soát hằng năm ở cơ sở đáp ứng các tiêu chí về xác định hộ nghèo và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận là hộ nghèo trên địa bàn.

a) Tỷ lệ hộ nghèo người dân tộc thiểu số là số phần trăm về số hộ gia đình người dân tộc thiểu số có mức thu nhập (hoặc chi tiêu) bình quân đầu người thấp hơn chuẩn nghèo trong tổng số hộ gia đình người dân tộc thiểu số được nghiên cứu.

Công thức như sau:

$$\text{Tỷ lệ hộ nghèo người dân tộc thiểu số (\%)} = \frac{\text{Số hộ gia đình người dân tộc thiểu số có thu nhập (chi tiêu) bình quân đầu người thấp hơn chuẩn nghèo}}{\text{Tổng số hộ gia đình người dân tộc thiểu số được nghiên cứu}} \times 100$$

b) Tỷ lệ hộ gia đình người dân tộc thiểu số cận nghèo

Tỷ lệ hộ gia đình người dân tộc thiểu số cận nghèo là số phần trăm về số hộ gia đình người dân tộc thiểu số có mức thu nhập (hoặc chi tiêu) bình quân đầu người nằm trong chuẩn cận nghèo quốc gia trong tổng số hộ gia đình người dân tộc thiểu số được nghiên cứu.

Công thức như sau:

$$\text{Tỷ lệ hộ gia đình người dân tộc thiểu số cận nghèo (\%)} = \frac{\text{Số hộ gia đình người dân tộc thiểu số có thu nhập (hoặc chi tiêu) bình quân đầu người nằm trong chuẩn cận nghèo quốc gia}}{\text{Tổng số hộ gia đình người dân tộc thiểu số được nghiên cứu}} \times 100$$

Tổng số hộ gia đình người dân tộc thiểu số
được nghiên cứu

2. Cách ghi biểu

- Cột A: Ghi danh sách các xã, phường theo danh mục đơn vị hành chính Việt Nam.
- Cột 1: Ghi tổng số hộ trên địa bàn.
- Cột 2: Ghi tổng số hộ người dân tộc thiểu số trên địa bàn tương ứng.
- Cột 3: Ghi số hộ nghèo người dân tộc thiểu số.
- Cột 4: Ghi số hộ cận nghèo người dân tộc thiểu số.
- Cột 5: Ghi số hộ dtts thoát nghèo.
- Cột 6: Ghi số hộ dtts nghèo phát sinh mới.
- Cột 7: Ghi số hộ dtts tái nghèo.
- Cột 8: Ghi tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số.
- Cột 9: Ghi tỷ lệ hộ cận nghèo dân tộc thiểu số.

3. Nguồn số liệu

Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo kết quả rà soát hộ nghèo hàng năm và theo chế độ báo cáo thống kê của ngành nông nghiệp và môi trường.

Cơ quan công tác dân tộc và tôn giáo cấp tỉnh tổng hợp từ báo cáo của các xã vùng dân tộc thiểu số.